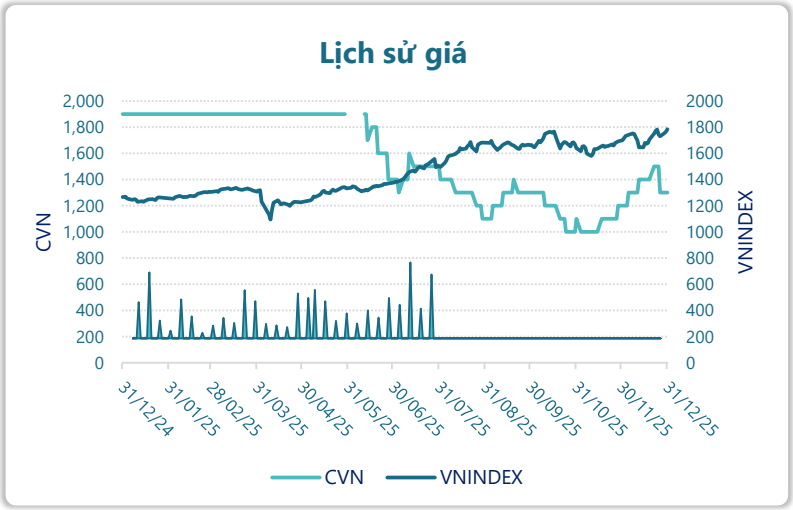
FireAnt

CTCP Vinam (UPCOM: CVN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	29,699,991
KLGD BQ 20 phiên (CP)	107,125
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39
P/E	-2.9
EPS	-449

DT thuần

Q4/25

1.98

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.92| 86.6%

YoY: ▼51.6| -96.3%

LN sau thuế

Q4/25

-7.93

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.03| -317%

YoY: ▼10.9| -365%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-30.6%

+/- YoY: ▼ 36.0%

DT thuần

2025

47.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼48.3| -50.5%

LN sau thuế

2025

-13.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.0| -1083%

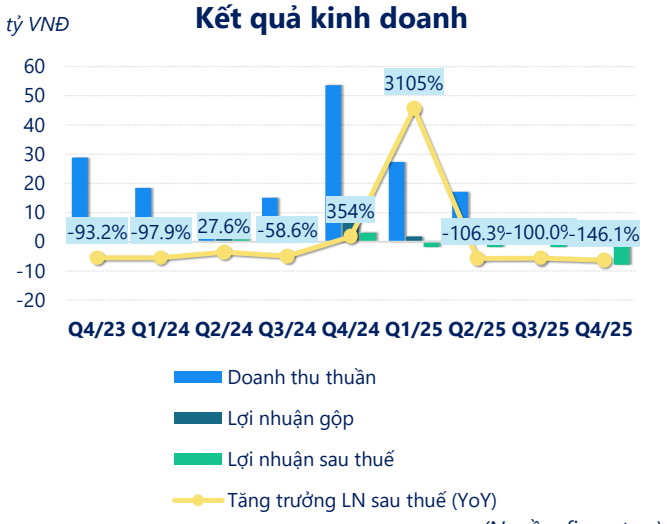
ROE

2025

-3.4%

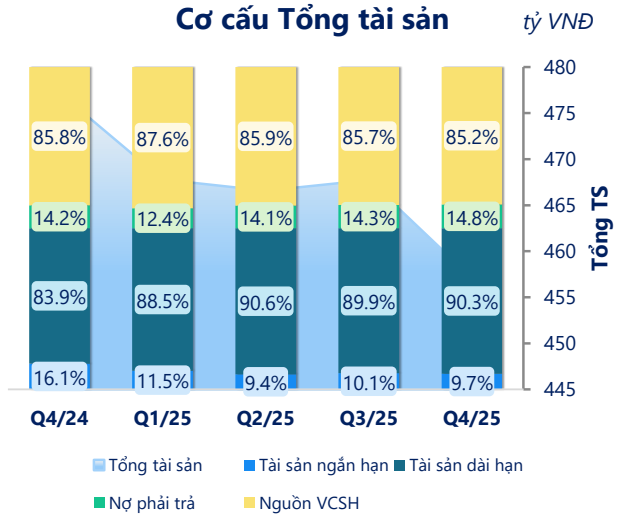
+/- YoY: ▼ 3.7%

Kết quả kinh doanh



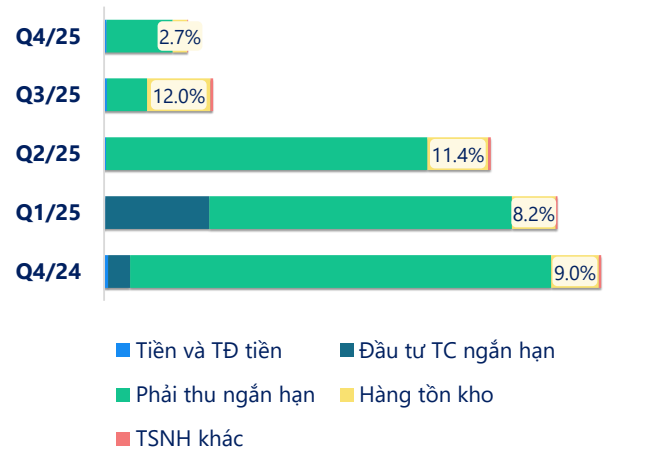
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



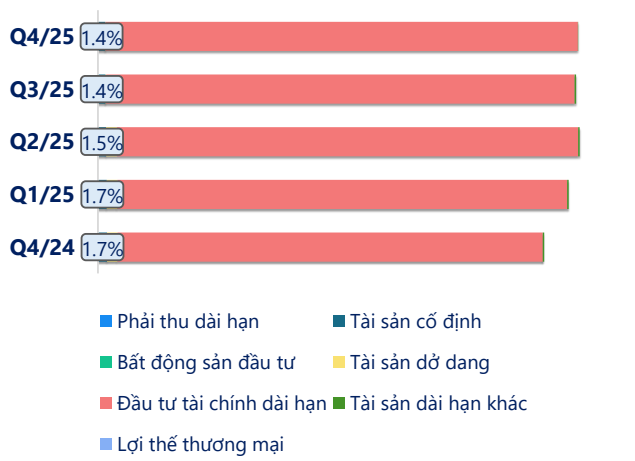
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



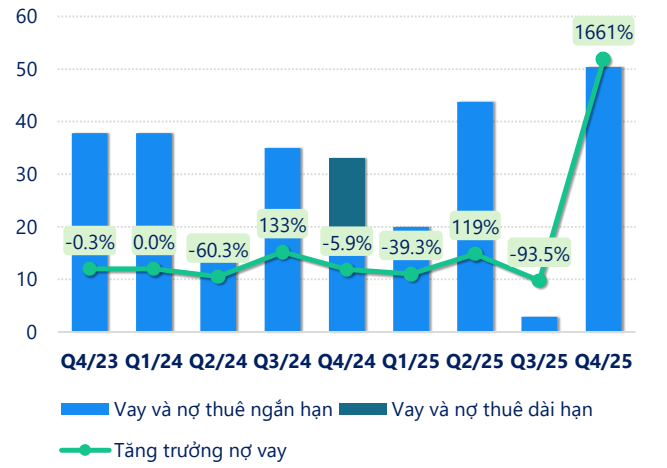
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



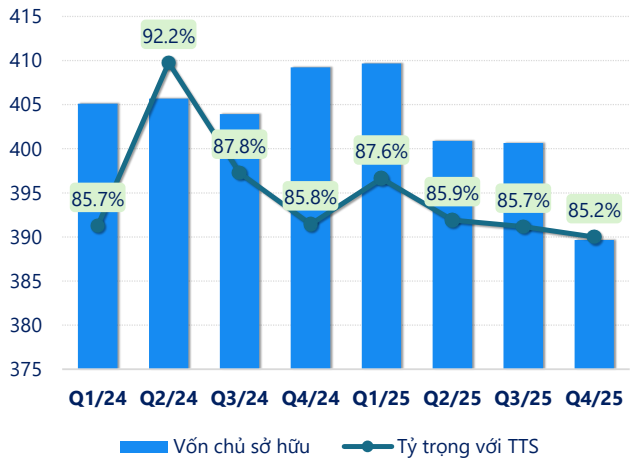
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



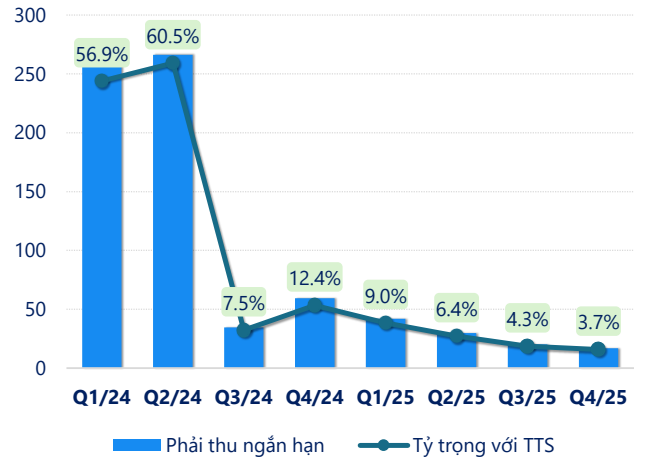
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



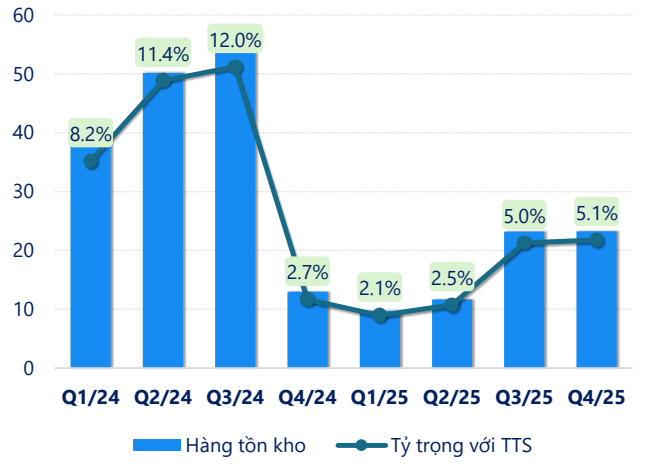
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



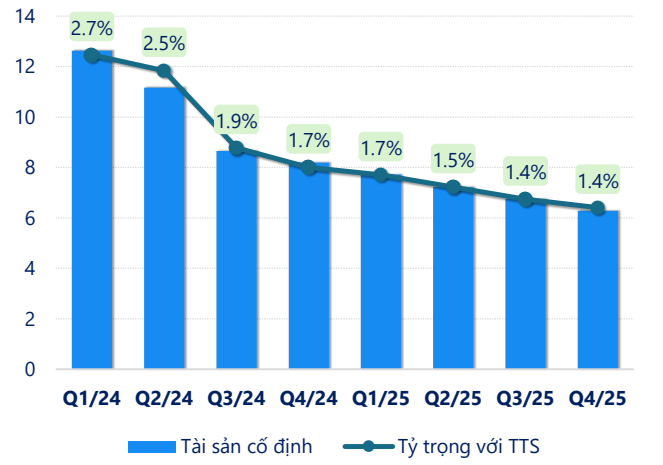
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



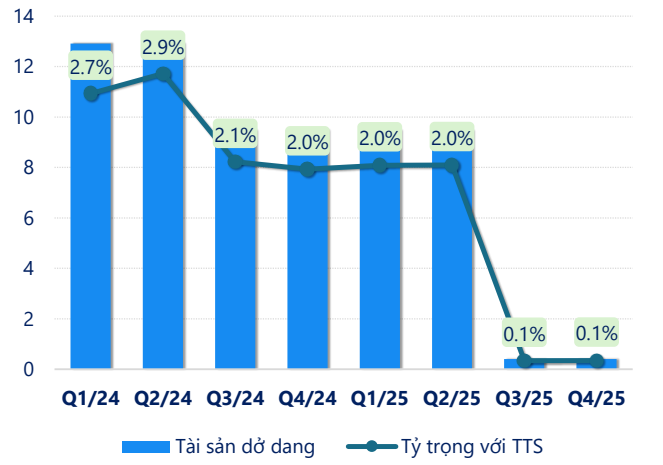
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



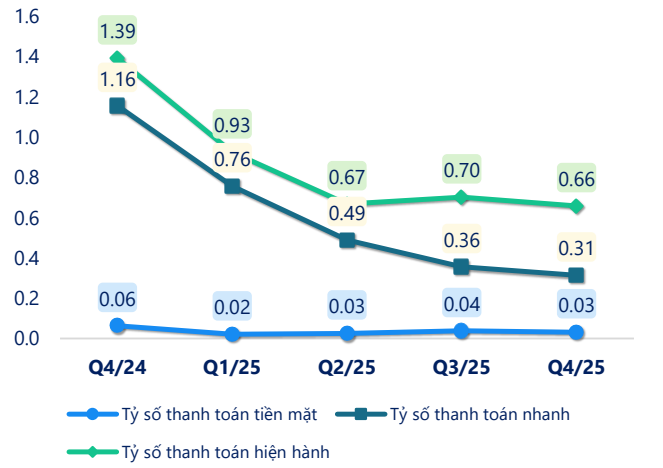
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



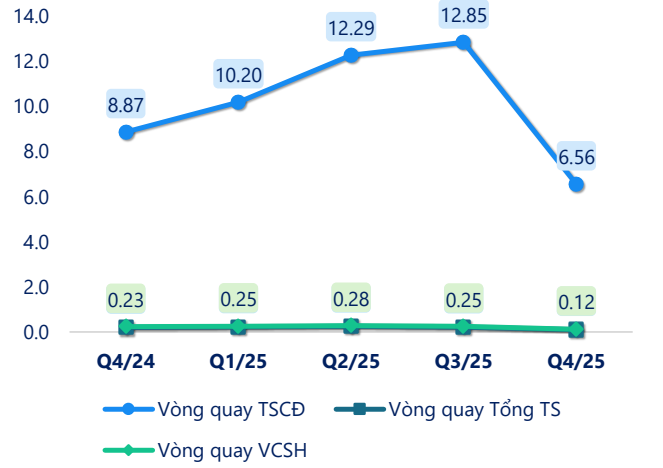
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**477**	**468**	**467**	**468**	**457**
Tài sản ngắn hạn	**76.6**	**53.8**	**43.9**	**47.1**	**44.4**
Tiền và tương đương tiền	3.48	1.23	1.70	2.53	2.13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	59.4	42.0	29.7	20.3	16.9
Hàng tồn kho	13.0	9.77	11.7	23.2	23.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	0.77	0.78	1.04	2.18
Tài sản dài hạn	**401**	**414**	**423**	**421**	**413**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	8.19	7.72	7.23	6.75	6.28
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.46	9.46	9.45	0.40	0.40
Đầu tư tài chính dài hạn	382	395	405	412	406
Tài sản dài hạn khác	1.35	1.33	1.32	1.30	0.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**68.0**	**58.1**	**65.7**	**67.1**	**67.4**
Nợ ngắn hạn	**55.0**	**58.1**	**65.7**	**67.1**	**67.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.0	20.0	43.7	2.86	50.4
Phải trả người bán ngắn hạn	8.88	1.86	17.6	14.7	12.0
Nợ dài hạn	12.9	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	12.9	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**409**	**410**	**401**	**401**	**390**
Vốn chủ sở hữu	**409**	**410**	**401**	**401**	**390**
Vốn điều lệ	297	297	297	297	297
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)